

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 301

Câu 41. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết tỉnh nào sau đây vừa giáp Lào vừa giáp biển?

- A. Quảng Nam. B. Bình Thuận. C. Quảng Ngãi. D. Kon Tum.

Câu 42. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết hai đô thị nào sau đây có quy mô dân số lớn nhất ở vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Thanh Hóa, Huế. B. Thanh Hoá, Vinh. C. Vinh, Hà Tĩnh. D. Vinh, Huế.

Câu 43. Tính chất nhiệt đới của sinh vật nước ta bị giảm sút chủ yếu do

- A. vị trí địa lí, khí hậu, địa hình và tác động con người.
B. địa hình, khí hậu, các luồng di cư và tác động con người.
C. vị trí địa lí, sông ngòi, khí hậu và tác động con người.
D. khí hậu, địa hình, tác động của con người và luồng di cư.

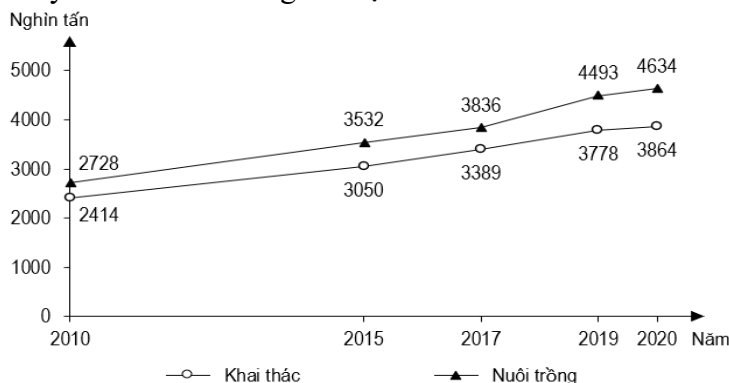
Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết thành phố nào sau đây là tỉnh lỵ của Quảng Trị?

- A. Vinh. B. Đồng Hới. C. Huế. D. Đông Hà.

Câu 45. Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế nước ta chuyển biến rõ rệt chủ yếu do

- A. chuyển sang nền kinh tế thị trường. B. tăng trưởng kinh tế gần đây nhanh.
C. lao động dồi dào và tăng hàng năm. D. thúc đẩy sự phát triển công nghiệp.

Câu 46. Cho biểu đồ về thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 - 2020:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và cơ cấu sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng.
B. Thay đổi sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng.
C. Tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng.
D. Tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết cao nguyên nào sau đây có độ cao lớn nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam?

- A. Đắc Lắc. B. Kon Tum. C. Lâm Viên. D. Mơ Nông.

Câu 48. Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc sản xuất theo hướng hàng hóa trong chăn nuôi ở nước ta hiện nay?

- A. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ. B. Cơ sở thức ăn được đảm bảo hơn.
C. Nhu cầu thị trường tăng nhanh. D. Trình độ lao động được nâng cao.

Câu 49. Rừng chắn cát ở nước ta phân bố tập trung ở

- A. đầu nguồn sông. B. vùng ven biển. C. Bán bình nguyên. D. đồi trung du.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc tỉnh Thừa Thiên – Huế?

- A. Nậm Cắn. B. A Đớt. C. Cha Lo. D. Na Mèo.

Câu 51. Khách du lịch quốc tế đến nước ta hiện nay nhiều chủ yếu do

- A. sản phẩm du lịch hấp dẫn, chính sách đổi mới.
- B. dịch vụ thuận tiện, cơ sở vật chất kỹ thuật tốt.
- C. hội nhập toàn cầu sâu rộng, kinh tế phát triển.
- D. người dân hiếu khách, môi trường thân thiện.

Câu 52. Chăn nuôi bò sữa phát triển khá mạnh ở ven thành phố lớn chủ yếu do

- A. điều kiện chăm sóc thuận lợi.
- B. truyền thống chăn nuôi của vùng ngoại thành.
- C. nhu cầu của thị trường lớn.
- D. cơ sở kỹ thuật phục vụ chăn nuôi hiện đại.

Câu 53. Các mặt hàng nhập khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

- A. hiện đại hóa, công nghiệp hóa được thúc đẩy.
- B. đô thị hóa phát triển, hội nhập toàn cầu rộng.
- C. các ngành sản xuất phát triển, mức sống tăng.
- D. liên doanh với các nước, thị trường mở rộng.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết trâu được nuôi nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Ngãi.
- B. Nghệ An.
- C. Sơn La.
- D. Đắk Lắk.

Câu 55. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp Đà Nẵng **không** có ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây?

- A. Thủy hải sản.
- B. Sản phẩm chăn nuôi.
- C. Rượu, bia, nước giải khát.
- D. Lương thực.

Câu 56. Cán cân ngoại thương của nước ta trong những năm gần đây xuất siêu chủ yếu do

- A. thu hút vốn đầu tư, có năng lực sản xuất tốt, xuất khẩu tăng nhanh.
- B. thị trường nhập khẩu thu hẹp, xuất khẩu tăng, giao thông cải thiện.
- C. nhu cầu nhập khẩu giảm, thị trường mở rộng, giao thông cải thiện.
- D. chống dịch Covid-19 tốt, nhu cầu nhập khẩu giảm, vốn đầu tư tăng.

Câu 57. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2000 VÀ 2019.

(Đơn vị: triệu người)

Năm	Việt Nam	In-đô-nê-xi-a	Thái Lan	Lào
2000	79,7	217,0	62,6	5,5
2019	93,7	264,0	66,1	7,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

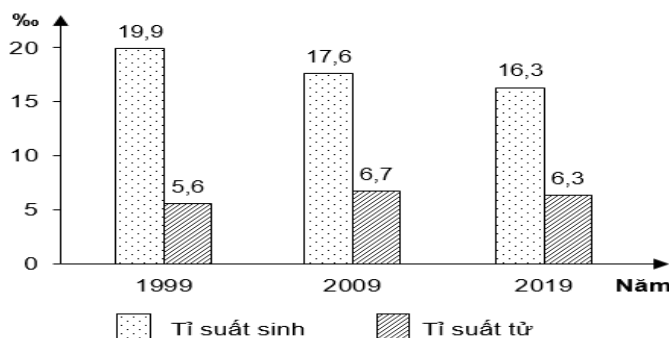
Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây **không** đúng về dân số của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2019 so với năm 2000?

- A. Dân số Thái Lan tăng nhiều hơn Lào.
- B. Dân số Việt Nam tăng chậm hơn Lào.
- C. Dân số Lào tăng chậm hơn Thái Lan.
- D. Dân số In-đô-nê-xi-a tăng nhiều nhất.

Câu 58. Phần lớn dân cư nước ta hiện sống ở nông thôn do

- A. có sự di dân từ thành thị về nông thôn.
- B. nông nghiệp là ngành kinh tế phát triển nhất.
- C. quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa chậm.
- D. điều kiện sống ở nông thôn cao hơn thành thị.

Câu 59. Cho biểu đồ:



TỈ SUẤT SINH VÀ TỈ SUẤT TỬ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1999 - 2019

(Nguồn số liệu theo Tổng điều tra dân số năm 2019)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng với tỉ suất sinh, tỉ suất tử và tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nước ta giai đoạn 1999 - 2019?

- A. Tốc độ giảm tỉ suất sinh chậm hơn so với tỉ suất tử.
- B. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên có xu hướng tăng.
- C. Tỉ suất sinh và tỉ suất tử đều có xu hướng giảm.
- D. Năm 2019, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là 1,0%.

Câu 60. Sản lượng điện nước ta trong những năm gần đây tăng nhanh chủ yếu do tăng nhanh

- A. sản lượng nhiệt điện than.
- B. nguồn điện nhập khẩu.
- C. sản lượng thủy điện.
- D. sản lượng nhiệt điện khí.

Câu 61. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

- A. Đồng Tháp.
- B. Hà Tiên.
- C. An Giang.
- D. Mộc Bài.

Câu 62. Một nền kinh tế tăng trưởng bền vững thể hiện ở

- A. cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch hợp lí.
- B. nhịp độ tăng trưởng cao và ổn định.
- C. nhịp độ tăng trưởng cao và có cơ cấu kinh tế hợp lí.
- D. tốc độ tăng trưởng cao và bảo vệ môi trường.

Câu 63. Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2016	2021
Tổng sản lượng thủy sản	5142,7	6895	8792,5
Khai thác	2414,4	3237	3937,1
Nuôi trồng	2728,3	3658	4855,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2010 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Cột
- B. Tròn.
- C. Kết hợp.
- D. Đường.

Câu 64. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường 25 nối Tuy Hòa với nơi nào sau đây?

- A. A Yun Pa.
- B. Đà Lạt.
- C. Nha Trang.
- D. Buôn Mê Thuột.

Câu 65. Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. sử dụng hợp lí nguồn lao động dồi dào trong nước.
- B. thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng của cả nền kinh tế.
- C. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- D. tăng cường hội nhập vào nền kinh tế của khu vực

Câu 66. Ngành công nghiệp chế biến thủy sản nước ta tập trung chủ yếu ở

- A. cảng biển lớn.
- B. các đô thị lớn.
- C. các khu vực đông dân.
- D. các vùng nguyên liệu.

Câu 67. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Đồng bằng sông Hồng có quy mô đồng cấp với nhau?

- A. Bắc Ninh, Hải Dương.
- B. Hải Phòng, Hà Nội.
- C. Bắc Ninh, Phúc Yên.
- D. Hải Phòng, Nam Định.

Câu 68. Khó khăn chủ yếu của mạng lưới đường sông nước ta là

- A. các phương tiện vận tải ít được cải tiến.
- B. phương tiện vận tải đường sông còn nghèo nàn.
- C. các luồng lạch bị sa bồi, thay đổi thất thường về độ sâu.
- D. tổng năng lực bốc xếp của các cảng còn thấp.

Câu 69. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết nơi nào sau đây là một điểm công nghiệp?

- A. Huế.
- B. Thái Nguyên.
- C. Việt Trì.
- D. Hà Giang.

Câu 70. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Hồng?

- A. Phúc Yên. B. Hạ Long. C. Việt Trì. D. Thanh Hóa.
- Câu 71.** Đường biên giới trên đất liền của nước ta kéo dài, gây khó khăn cho việc
A. thu hút đầu tư nước ngoài. B. bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.
C. phát triển nền văn hóa. D. khai thác nguồn khoáng sản.
- Câu 72.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?
A. Hà Nội. B. Cần Thơ. C. Lạng Sơn. D. Đà Nẵng.
- Câu 73.** Nguyên nhân chủ yếu làm cho tỉ lệ dân thành thị nước ta ngày càng tăng là
A. quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa phát triển.
B. chất lượng cuộc sống ở thành thị tốt hơn.
C. dân nông thôn ra thành thị tìm việc làm.
D. chính sách phân bố lại dân cư giữa các vùng.
- Câu 74.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết hướng gió chính tại trạm khí tượng Hà Nội vào tháng 7 là hướng nào sau đây?
A. Tây bắc. B. Tây nam. C. Đông nam. D. Đông bắc.
- Câu 75.** Biện pháp quan trọng nhất để giảm sức ép việc làm ở khu vực thành thị là
A. đẩy mạnh quá trình đô thị hóa. B. đẩy mạnh xuất khẩu lao động.
C. chuyển cư tới các vùng khác. D. xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí.
- Câu 76.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết đồng bằng Tuy Hòa được mở rộng bởi phù sa sông của hệ thống sông nào sau đây?
A. Sông Xe Xan B. Sông Đà Rằng. C. Sông Trà Khúc D. Sông Gianh
- Câu 77.** Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu ở nước ta hiện nay là
A. phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường.
B. đổi mới quản lí, tăng cường liên kết với nước ngoài.
C. thúc đẩy công nghiệp chế biến, đa dạng sản phẩm.
D. tăng đầu tư, thu hút nhiều ngành sản xuất tham gia.
- Câu 78.** Khó khăn chủ yếu làm tăng chi phí xây dựng và bảo dưỡng mạng lưới giao thông vận tải ở nước ta là
A. khí hậu nhiệt đới nóng quanh năm, có một số sông lớn.
B. đội ngũ công nhân kĩ thuật chưa thể đáp ứng yêu cầu.
C. địa hình nhiều đồi núi, khí hậu phân hóa theo mùa.
D. thiếu vốn, cơ sở vật chất, kĩ thuật còn yếu kém.
- Câu 79.** Nguyên nhân chủ yếu gây ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long là
A. mưa bão trên diện rộng. B. mưa lớn và triều cường.
C. không có đê sông ngăn lũ. D. bão lớn và lũ nguồn về.
- Câu 80.** Khó khăn tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động khai thác hải sản xa bờ của nước ta?
A. Hoạt động của gió mùa Đông Bắc trên biển.
B. Hoạt động của bão và áp thấp nhiệt đới.
C. Môi trường biển và hải đảo ô nhiễm.
D. Hải sản ven bờ ngày càng cạn kiệt.

----- **HẾT** -----